

## **MỤC LỤC**

- CHƯƠNG I: Những điều khoản chung**
- CHƯƠNG II: Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty**
- CHƯƠNG III: Vốn điều lệ – Cổ phần – Cổ phiếu – Cổ đông – Cổ tức**
- CHƯƠNG IV: Đại hội đồng Cổ đông**
- CHƯƠNG V: Quản lý, điều hành và kiểm soát Công ty**
- CHƯƠNG VI: Chế độ Tài chính kế toán và phân phối lợi nhuận**
- CHƯƠNG VII: Các chế độ Lao động và quyền lợi Người lao động**
- CHƯƠNG VIII: Tố tụng và tranh chấp – Quản lý và sử dụng con dấu**
- CHƯƠNG IX: Tổ chức lại, giải thể, thanh lý và phá sản**
- CHƯƠNG X: Điều khoản thi hành và các qui định khác**

# **ĐIỀU LỆ**

## **CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ**

**(SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LẦN V)**

**Căn cứ:**

- **Luật Doanh Nghiệp** được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 12 tháng 07 năm 2002.
- Căn cứ vào biểu quyết đã được thông qua tại Đại hội Cổ Đông thường niên năm 2015 ngày 16 tháng 05 năm 2015.

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ (dưới đây gọi là “Công ty”), là Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp, và theo Quyết định số 1402/QĐ-UB ngày 03 tháng 04 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội Cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bằng nghị quyết hợp lệ ngày 26 tháng 07 năm 2013 thay thế cho Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21 tháng 04 năm 2008

## **CHƯƠNG I**

### **NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**Điều 1:** *Giải thích một số từ ngữ*

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
  - a. “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;
  - b. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
  - c. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
  - d. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh;
  - e. “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 16 tháng 12 năm

2002.

- f. “Đại hội đồng cổ đông” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ;
  - g. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ;
  - h. “Cán bộ quản lý” có nghĩa là Tổng Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm Cán bộ quản lý của Công ty;
  - i. “Những người liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp;
  - j. “Cổ đông” có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần;
  - k. “Thời hạn” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được Hội đồng quản trị chấp nhận.
1. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
  2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
  3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.
  4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

**Điều 2 : Tên và hình thức doanh nghiệp**

1/. Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ**  
Tên đối ngoại : **CANGIO PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**  
Tên gọi tắt : **CAGIPHARM**

2/. Hình thức doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Dược Phẩm Cần Giờ sau đây gọi tắt là Công ty là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp do Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2006.

**Điều 3 : Trụ sở, chi nhánh và địa bàn hoạt động của công ty**

1/ Trụ sở chính: Lầu 2, khu F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84.8) 39798750 - (84.8) 39798751 - (84.8) 39798752

Fax: (84.8) 39798753

2/. Các chi nhánh, văn phòng và đơn vị trực thuộc Công ty.

a) Cửa hàng trung tâm - 64 Đường Duyên Hải, Khu phố Phong Thạnh, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, TPHCM

b) Kho: Lầu 2, khu F-C1, Tòa nhà Mirae bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

## **BẢN ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ**

- c) Cửa hàng Dược phẩm tại địa chỉ lô F (F16) số 134/1 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP.HCM
- d) Nhà máy Dược phẩm Cần Giờ, Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây bắc Củ Chi, Tp.HCM
- e) Công ty TNHH US Pharma USA, Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây bắc Củ Chi, Tp.HCM

3/. Công ty được thành lập các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng trong phạm vi cả nước và ở các nước khác nhưng phải tuân theo các quy định của pháp luật.

### **Điều 4: Mục tiêu và nội dung ngành nghề sản xuất kinh doanh.**

1/. Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa. Tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

2/. Nội dung ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

a/ Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế, nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh

b/ Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu

c/ Sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai.

d/ Sản xuất và bán buôn thực phẩm chức năng, sữa và đồ ăn dinh dưỡng,

e/ Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng

f/ Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (Thiết bị y tế và phụ tùng máy ngành công nghiệp)

g/ Bán buôn đồ uống

h/ Bán buôn hóa chất ( Trừ hóa chất dùng trong nông nghiệp)

i/ Dịch vụ đóng gói

j/ Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

k/ Kinh doanh bất động sản

l/ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

m/ Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

n/ Cho thuê xe có động cơ , đồ dùng cá nhân và gia đình khác

\* Và Kinh doanh các ngành khác mà luật định cho phép.

### **Điều 5: Hình thức và tư cách hoạt động**

1/. Công ty là một doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hóa DNNN Công ty Dược Phẩm Cần Giờ, và tổ chức hoạt động theo luật doanh nghiệp trên cơ sở tự nguyện góp vốn của các cổ đông, chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật định.

2/. Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ :

a) Thuộc sở hữu của các cổ đông.

## **BẢN ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ**

- b) Có tư cách pháp nhân, độc lập về tài sản, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại kho bạc, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- c) Có điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- d) Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi số vốn đó.
- e) Là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh.

3/. Công ty có thể được mở rộng, thu hẹp, hoặc thay đổi phạm vi hoạt động do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

### ***Điều 6 : Thời gian hoạt động.***

Thời gian hoạt động của Công ty cổ phần là 50 năm, kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo luật định.

Thời gian hoạt động có thể được gia hạn hoặc rút ngắn với điều kiện Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.

### ***Điều 7 : Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Công ty.***

- 1/. Công ty Cổ phần hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
- 2/. Các cổ đông Công ty cổ phần cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phạm vi của phần vốn của mình góp vào Công Ty.
- 3/. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).
- 4/. ĐHĐCĐ bầu Hội đồng quản trị (HDQT) để lãnh đạo hoạt động Công ty, bầu Ban kiểm soát (BSK) kiểm soát mọi hoạt động của Công ty giữa hai nhiệm kỳ đại hội.
- 5/. Điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc do HDQT bổ nhiệm và bãi miễn.
- 6/. Chủ tịch HDQT hoặc Tổng Giám Đốc là Đại diện theo pháp luật của Công ty nếu được ĐHĐCĐ bổ nhiệm.

### ***Điều 8 : Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị – xã hội khác.***

- 1/. Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- 2/. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên CS.HCM, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật.
- 3/. Công ty tôn trọng và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động tốt.

## **CHƯƠNG II**

### **QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

**Điều 9 :** *Quyền hạn của Công ty.*

- 1/ Mở rộng qui mô kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường. Được phép mở rộng lĩnh vực kinh doanh theo đúng ngành nghề khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.
- 2/ Phát hành, chuyển nhượng, mua bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật; được thế chấp tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng để vay vốn theo quy định của pháp luật. Được quyền lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn như: Được quyền phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, nhưng phải tuân thủ các qui định của pháp luật.
- 3/ Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự , tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty.
- 4/ Được quyền tuyển dụng và thuê mướn lao động, thử việc và cho nghỉ việc theo yêu cầu sản xuất kinh doanh và theo quy định của luật lao động. Xây dựng và áp dụng các định mức lao động, đơn giá tiền lương tiền thưởng theo kết quả hoạt động kinh doanh nhằm khuyến khích nâng cao năng suất lao động.
- 5/ Sử dụng ngoại tệ theo qui định hiện hành về quản lý ngoại hối.
- 6/ Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước.
- 7/ Được quyền ký kết hợp đồng kinh tế, đầu tư, hợp tác, liên doanh, liên kết, với các đơn vị trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật nhằm mục đích phát triển sản xuất kinh doanh.
- 8/ Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo qui định của nhà nước.
- 9/ Kế thừa tất cả các quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của Doanh nghiệp nhà nước, Công ty Dược Phẩm Càn Giờ khi chuyển thành Công ty cổ phần.
- 10/ Các quyền khác do pháp luật qui định, từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật qui định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện, đóng góp vì mục đích nhân đạo và từ thiện.

**Điều 10 :** *Nghĩa vụ của Công ty*

- 1/ Kinh doanh đúng các ngành nghề như đã đăng ký. Chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; Chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.
- 2/ Tổ chức kinh doanh có hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn.
- 3/ Tuân thủ chế độ hạch toán kế toán, báo cáo thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ nghĩa vụ về thuế theo qui định của pháp luật.
- 4/ Chấp hành các qui định về tuyển dụng, hợp đồng và quản lý lao động theo qui định của pháp luật lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia quản lý công ty bằng thỏa ước lao động tập thể và các qui chế khác. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước;

## **BẢN ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIÒ**

bảo đảm quyền lợi, lợi ích của người lao động theo qui định của pháp luật lao động; tôn trọng quyền của tổ chức công đoàn theo luật công đoàn.

5/ Tuân thủ qui định của nhà nước về bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh và trật tự, an toàn xã hội.

6/ Thực hiện báo cáo định kỳ theo qui định của nhà nước, báo cáo bất thường theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính. Công bố công khai các thông tin và báo cáo quyết toán hàng năm, đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty.

7/ Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác.

8/ Thực hiện các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

### **CHƯƠNG III**

#### **VỐN ĐIỀU LỆ –CỔ PHẦN –CỔ PHIẾU –CỔ ĐÔNG –CỔ TỨC**

##### **Điều 11 :                   Vốn điều lệ.**

- 1/ Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là 110.000.000.000 đồng Việt Nam (một trăm mười tỷ đồng) do các Cổ đông của Công ty góp dưới hình thức mua cổ phiếu. Vốn điều lệ này được góp đủ một lần ngay khi phát hành cổ phiếu.
- 2/ Vốn góp mua cổ phần của Công ty bằng tiền Việt Nam hoặc có thể bằng vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác phục vụ trực tiếp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các tài sản góp vốn này phải được định giá thành tiền tại thời điểm góp vốn và thanh toán đủ một lần theo quy định sau :
  - a. HĐQT là người định giá các tài sản góp vốn hoặc do HĐQT trưng cầu một tổ chức giám định độc lập tiến hành định giá.
  - b. Những người định giá nêu trên phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác đối với giá trị tài sản góp vốn theo luật định.
- 3/ Vốn điều lệ của Công ty do các Cổ đông đóng góp tự nguyện, mỗi Cổ đông hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc góp vốn của mình. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn đóng góp của các Cổ đông.
- 4/ Việc tăng giảm vốn điều lệ của Công ty phải do ĐHĐCĐ quyết định, được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Việc tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các phương thức như sau:
  - a. Chuyển các quỹ dự trữ, tích lũy thành vốn điều lệ.
  - b. Huy động thêm vốn cổ phần bằng cách chào bán thêm cổ phiếu mới. Việc phát hành cổ phiếu mới phải được sự chấp thuận của các Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội tán thành; Khi bán thêm cổ phiếu mới thì các Cổ đông hiện tại và người lao động hiện tại của Công ty có quyền ưu tiên mua trước và phải đóng đủ số tiền đăng ký mua.
- 5/ Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động:
  - Mua sắm tài sản cố định và các trang thiết bị tối thiểu cho hoạt động Công ty.

## **BẢN ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ**

- Cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Góp vốn liên doanh liên kết với các đơn vị kinh tế.
- Mua cổ phần trái phiếu của các đơn vị kinh tế khác.
- Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.

6/ Không sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản Công ty cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác không trái pháp luật).

### **Điều 12 :                    *Cổ phần – Cổ phiếu.***

1/ Vốn điều lệ của Công ty là 110.000.000.000VNĐ được chia thành 11.000.000 cổ phần, mệnh giá của 01 cổ phần là 10.000VNĐ.

2/ Tất cả các cổ phần này đều là cổ phần phổ thông, có quyền biểu quyết, có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

### **Điều 13 :                    *Hình thức cổ phiếu.***

1/ Cổ phiếu là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

2/ Mọi cổ phiếu phải do chính Công ty phát hành, có ghi rõ và đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định của luật doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, và phải đóng dấu Công ty cổ phần mới hợp lệ.

3/ Cổ phiếu Công ty cổ phần có thể ghi tên hoặc không ghi tên và được in dưới dạng Tờ cổ phiếu hoặc Sổ chứng nhận cổ phần theo mẫu thống nhất của Bộ tài chính nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

4/ Công ty phát hành hai loại cổ phiếu:

- a. Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: dùng cho các loại cổ phần ưu đãi: cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại; cổ phần ưu đãi biểu quyết; cổ phần của người lao động được mua theo giá ưu đãi, cổ phần của đối tác chiến lược được mua theo giá ưu đãi, các loại cổ phần ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.
- b. Cổ phiếu được quyền tự do chuyển nhượng: dùng cho cổ phần phổ thông.

5/ Cổ phiếu bị mờ, rách, hư hỏng hay bị mất, cổ đông có thể xin đổi cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và cổ đông sở hữu cổ phiếu mới đó phải chịu mọi phí tổn liên quan đến việc đổi cổ phiếu.

### **Điều 14 :                    *Sổ đăng ký cổ đông.***

1/ Sổ đăng ký cổ đông được lập ngay sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là tập văn bản, tập dữ liệu điện tử hay cả hai.

2/ Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty;
- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;



## **BẢN ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ**

- d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
  - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 3/ Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở Công ty.  
Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty.  
Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

### **Điều 15 : *Chào bán cổ phần.***

- 1/ Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
- 1.1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên;
  - 1.2. Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
  - 1.3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 2/ Cổ phần đã được bán hoặc đã được chuyển nhượng sau khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua theo quy định của pháp luật được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
- 3/ Sau khi thanh toán đủ tiền mua cổ phần, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông
- 4/ Công ty có thể bán cổ phần mà không có cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông phải được ghi đúng và đủ theo quy định của pháp luật vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.
- 5/ Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần phải được tiến hành theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **Điều 16 : *Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần.***

- 1/ Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ các trường hợp hạn chế do Luật Doanh nghiệp và điều lệ này quy định.
- 2/ Cổ phần của các thành viên HĐQT và ban kiểm soát trong thời gian đương nhiệm, được phép chuyển nhượng giữa các thành viên HĐQT hoặc giữa các thành viên Ban kiểm soát. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là thành viên HĐQT hoặc thành viên Ban Kiểm soát phải có sự chấp thuận của HĐQT.
- 3/ Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải được sự xem xét, chấp thuận của HĐQT trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn của các cổ đông xin chuyển

nhượng. Nếu không chấp thuận việc chuyển nhượng HĐQT phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho cổ đông xin chuyển nhượng.

4/ Đối với cổ phiếu ghi danh chuyển nhượng: khi chuyển nhượng phải có hợp đồng chuyển nhượng. Văn bản chuyển nhượng được kèm cổ phiếu của các cổ phần được chuyển nhượng và những giấy tờ chứng minh khác theo thủ tục chuyển nhượng do HĐQT quy định. Mọi văn bản chuyển nhượng được nộp vào văn phòng Công ty để đăng ký vào sổ lưu trữ của Công ty.

5/ Thủ tục chuyển nhượng cổ phần do HĐQT quy định.

6/ Nếu cổ đông của Công ty qua đời, Công ty cổ phần tôn trọng quyền thừa kế cổ phần hợp pháp theo luật định. Trong trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một đại diện sở hữu duy nhất dưới hình thức ủy quyền có xác nhận công chứng, Công ty cổ phần không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế và phải tuân thủ bản điều lệ này.

7/ Khi được quyền sở hữu hay thừa kế hợp pháp và đã được ghi vào sổ cổ đông của Công ty, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Trong trường hợp thừa kế số cổ phần mà cổ đông được mua ưu đãi trả dần thì người được thừa kế phải trách nhiệm thừa kế cả nghĩa vụ trả dần cho nhà nước.

8/ Cổ phiếu của các thành viên HĐQT, ban kiểm soát cũng được thừa kế nhưng người thụ nhận thừa kế chỉ thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu, không thể đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên HĐQT thành viên ban kiểm soát.

**Điều 17 : *Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.***

1/ Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức tại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định trong điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến HĐQT trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản này.

2/ Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu cổ đông với giá thị trường hoặc được định giá theo nguyên tắc quy định trong một quy chế riêng của Công ty. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

**Điều 18 : *Mua lại cổ phần theo luật định của Công ty.***

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây :

1/ Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2/ Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3/ Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

**Điều 19 : Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.**

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

**Điều 20 : Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại.**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với qui định của luật doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại đối với Công ty do việc không hoàn trả đó.

**Điều 21: Cổ đông.**

1/ Cổ đông là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.

2/ Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty. Các quyền và lợi ích hợp pháp của người góp vốn dưới hình thức mua cổ phần của Công ty sẽ được Nhà nước công nhận và bảo hộ bởi các qui định của luật pháp hiện hành.

3/ Người đại diện theo pháp luật phần vốn nhà nước tại Công ty do UBND TP.HCM đề cử và trúng cử nếu được ĐHĐCĐ bầu.

**Điều 22: Quyền lợi của cổ đông phổ thông.**

- 1/ Mọi cổ đông có quyền cơ bản sau đây :
- a) Cổ đông được tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết
  - b) Được nhận cổ tức với mức theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.
  - c) Được ưu tiên mua cổ phần khi Công ty phát hành cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty.
  - d) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo luật định, được nhận một phần tài sản còn lại theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần đã góp vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và các cổ phần loại khác, nếu có.
  - e) Cổ đông có thể ủy quyền người khác đại diện thay mình trong các kỳ họp ĐHĐCĐ với các điều kiện sau :
    - Chỉ được ủy quyền từng lần cho mỗi kỳ ĐHĐCĐ.
    - Phải có giấy ủy nhiệm.
    - Người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách chính mình.
  - f) Các quyền khác theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.
- 2/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền:
- a) Được quyền đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát (nếu đủ điều kiện theo quy định của điều lệ Công ty).
  - b) Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất kỳ trong các trường hợp sau:
    - HĐQT, Ban Giám Đốc và Ban Kiểm soát vi phạm điều lệ hoặc không thực hiện đúng theo các nghị quyết của ĐHĐCĐ như: có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính; có dấu hiệu thất bại trong hoạt động sản xuất kinh doanh; phát hiện HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát Công ty có dấu hiệu tham nhũng hoặc cố ý làm trái gây thiệt hại cho Công ty.
    - Các trường hợp khác quy định tại khoản 3 điều 79 Luật Doanh nghiệp.Trong trường hợp này, HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ chậm nhất là 30 ngày, kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản của nhóm cổ đông này.
  - c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.
  - d) Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

**Điều 23 : Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông**

- 1/ Cổ đông có trách nhiệm góp đủ số tiền mua cổ phần đã đăng ký và tuân thủ các quy định của điều lệ này, giám sát và góp ý kiến về hoạt động của HĐQT và Ban Giám Đốc Công ty
- 2/ Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi với số vốn góp đã góp vào Công ty. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp.
- 3/ Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp và hoạt động của Công ty; Tham gia công việc chung của Công ty khi được phân công.

4/ Trong kỳ hoạt động của Công ty đã ghi trong giấy phép, các cổ đông không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.

5/ Phát hiện những vi phạm pháp luật, chính sách chế độ của nhà nước của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và chịu trách nhiệm về sự phát hiện của mình.

6/ Tuân thủ điều lệ hoạt động và các qui chế quản lý nội bộ của Công ty. Chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

7/ Thực hiện các nghĩa vụ khác theo qui định tại Luật doanh nghiệp.

**Điều 24 : Cổ tức.**

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác do Đại hội cổ đông quyết định.
3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
5. Sau 06 tháng kể từ ngày trả cổ tức mà cổ đông chưa đến nhận cổ tức thì HĐQT sẽ sử dụng số tiền này vào việc kinh doanh tại Công ty. Trong trường hợp này số tiền mang ra sử dụng phải được tính lãi căn cứ vào lãi suất ngân hàng trong thời gian sử dụng và số tiền này sẽ được thanh toán vào lúc trả cổ tức sau đó.
6. Trong thời hạn 01 năm sau thời hạn trả cổ tức mà cổ đông chưa đến nhận HĐQT sẽ thông báo đến người thuộc diện thừa kế. Trong trường hợp này, cổ phiếu và tiền cổ tức của cổ đông vắng mặt sẽ do tòa án quyết định.
7. Trường hợp việc thanh toán cổ tức trái với quy định của pháp luật thì các cổ đông đã nhận cổ tức phải hoàn trả cho Công ty. Nếu có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc không hoàn trả đó.

## **CHƯƠNG IV**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 25 : Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

1/ ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Đại hội đồng cổ đông bất thường.

2/ Các ĐHĐCĐ phải có đủ số lượng cổ đông tham gia tối thiểu được quy định tại các điều khoản trong điều lệ này.

**Điều 26 : Đại hội đồng cổ đông.**

1/ Đại hội đồng cổ đông gồm các cổ đông hoặc đại diện cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2/ Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Quyết định phương hướng nhiệm vụ phát triển Công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh trung và dài hạn của Công ty. Quyết định việc liên doanh, hợp tác sản xuất
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Quyết định mức thù lao và các quyền lợi đối với thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- i. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty.

**Điều 27 : Đại hội đồng cổ đông thường niên.**

1/ ĐHĐCĐ thường niên họp mỗi năm ít nhất một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập trong thời gian 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2/ Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

## **BẢN ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIÒ**

- a. Báo cáo tài chính hằng năm;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- d. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- e. Mức thù lao và quyền lợi đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

### **Điều 28 : *Đại hội đồng Cổ đông bất thường.***

1/ Lý do và điều kiện triệu tập ĐHĐCĐ bất thường : trường hợp phát sinh những vấn đề có tính cấp bách ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập theo yêu cầu của một trong các đối tượng sau đây:

- a) Theo quyết định của HĐQT.
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại khoản 2 điều 22 của bản điều lệ này.

### **Điều 29 : *Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ.***

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm thư mời họp theo quy định trong điều lệ này.
5. Hình thức biểu quyết, thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ do điều lệ Công ty quy định.

### **Điều 30 : *Thể thức triệu tập và tiến hành các ĐHĐCĐ.***

1/ - Triệu tập ĐHĐCĐ.

- a) HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ thường niên trong vòng 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính quy định tại điều 27 Điều lệ này hoặc ĐHĐCĐ bất thường trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng có thẩm quyền quy định tại điều 28 Điều lệ này.

- b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT để triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- c) Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập ĐHĐCĐ thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 22 Điều lệ này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát để triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại.
- e) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; cung cấp thông tin và giải quyết các khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ.

2/ . - Công ty đại chúng phải công bố toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp trên trang thông tin điện tử đồng thời với việc gửi thông báo về việc mời họp và hướng dẫn truy cập trang thông tin điện tử về việc họp và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là mười lăm (15) ngày.

3/ - Ban tổ chức có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự đại hội, lập danh sách hiện diện “ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần hiện diện”.

4/ - Đại hội thường niên do chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Nếu chủ tịch HĐQT vắng mặt có thể ủy nhiệm cho phó chủ tịch HĐQT hoặc một ủy viên HĐQT làm chủ tọa. Đại hội bất thường do ai triệu tập thì người đó làm chủ tọa.

5/ - Chủ tọa thông qua Đại hội bầu ra thư ký đại hội và ban kiểm phiếu.

6/ - Biên bản ĐHĐCĐ được ghi vào sổ biên bản, có chữ ký của chủ tọa, thư ký và hai kiểm phiếu viên sau khi họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của chủ tịch HĐQT hoặc hai ủy viên HĐQT.

7/ - Các quy định khác theo Luật doanh nghiệp.

**Điều 31: *Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.***

1/- Khi có quyết định triệu tập ĐHĐCĐ, danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký Cổ đông của Công ty và phải lập xong chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.

2/ - Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3/ - Mỗi Cổ đông đều có quyền được xem hoặc sao chụp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.



4/- Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông..

5/ - Cổ đông có quyền được yêu cầu người triệu tập họp ĐHĐCĐ sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách đó.

**Điều 32: Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ.**

1/- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

2/ - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông ghi tại khoản 2 Điều 22 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3/- Người triệu tập ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 điều này nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi không đúng thời hạn hoặc không có đủ thông tin, không đúng nội dung;
- b) Vấn đề được kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định ĐHĐCĐ;
- c) Những trường hợp khác quy định trong Điều lệ này.

4/ - Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**Điều 33 : Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.**

1/ - Cổ đông là cá nhân có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 96 của Luật doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2/- Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần, người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.

3/ - Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp

Việc ủy quyền này chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản và phải gửi về Công ty chậm nhất 3 (ba) ngày trước ngày khai mạc Đại hội cổ đông.

- 4/ - Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.
- 5/ - Quy định tại khoản 3 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông
- 6/- Người uỷ quyền có thể thu hồi sự uỷ quyền bằng cách lập văn bản thông báo gửi thẳng cho HĐQT.
- 7/- Cổ đông chuyển nhượng Cổ phần sau khi lập xong danh sách Cổ đông và trước khi khai mạc họp ĐHĐCĐ, thì người nhận chuyển nhượng sẽ tham dự ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với cổ phần đã chuyển nhượng.

**Điều 34:                    *Thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ***

- 1/ - ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 2/ - Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi:
- Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hiện diện chấp thuận.
  - Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
  - Biểu quyết tại đại hội phải công khai; Mỗi cổ đông có số phiếu biểu quyết được tính bằng số cổ phần mà họ sở hữu hoặc đại diện sở hữu.
  - Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức dồn phiếu được quy định tại khoản 3 Điều 104 Luật doanh nghiệp
  - Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
- 3/ Quyết định hợp lệ của ĐHĐCĐ phải được thông báo Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Những quyết định này có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

**Điều 35:                    *Biên bản họp ĐHĐCĐ.***

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
  - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - Chương trình và nội dung cuộc họp;

- d. Chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các quyết định đã được thông qua;
  - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
  3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.  
Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**Điều 36: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ**

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

## **Chương V**

### **QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY**

**Điều 37:** *Cơ cấu quản lý, điều hành và kiểm soát Công ty.*

Cơ cấu quản lý, điều hành và kiểm soát Công ty gồm có:

- Hội đồng quản trị
- Ban Giám đốc
- Ban Kiểm soát

**Điều 38:** *Hội đồng quản trị (HĐQT).*

1/ HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

2/ Thành phần Hội đồng quản trị gồm:

- Dương Minh Dũng: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Trần Cung: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ngô Phi Hậu : thành viên
- Trần Ngọc Lan Trang: thành viên
- Hoàng Mãng: thành viên

3/ Cơ quan thường trực của HĐQT gồm: Chủ tịch HĐQT và Phó chủ tịch HĐQT có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày của HĐQT.

**Điều 39:** *Số lượng thành viên và nhiệm kỳ HĐQT.*

1/ HĐQT có số thành viên từ 05 (năm) người do ĐHCĐ bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. HĐQT có 01 chủ tịch, 01 hoặc 02 phó chủ tịch và các uỷ viên.

2/ Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) Năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.

**Điều 40:** *Điều kiện ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị.*

1/ Là cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân.

2/ Thành viên HĐQT có thể kiêm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất-kinh doanh của Công ty.

**Điều 41:** *Quyền hạn của Hội đồng quản trị.*

1/ Quyết định chiến lược phát triển Công ty.

2/ Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được chào bán của từng loại; định giá tài sản không phải bằng tiền mặt để góp vốn cổ phần. Quyết định mua lại cổ phần quy định tại điều 18 Điều lệ này.

3/ Quyết định các phương án đầu tư xây dựng; sản xuất kinh doanh; các hình thức huy động vốn; tăng, giảm vốn điều lệ; phương thức chào bán cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi đã thông qua ĐHCĐ.

4/ Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập hoặc giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện.

- 5/ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- 6/ Quyết định việc góp vốn hợp tác liên doanh, liên kết, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác. Quyết định các chính sách phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 57 của Điều lệ này.
- 7/ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng Công ty, quyết định mức lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Giám đốc. Trường hợp Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty thì mức lương và thưởng của Tổng Giám Đốc do ĐHĐCĐ quyết định.
- 8/ Quyết định ban hành các quy chế về: tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng, cho thôi việc nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty.
- 9/ Ấn định về việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng quỹ theo nghị quyết của ĐHĐCĐ; phương án xử lý các khoản lỗ xảy ra trong quá trình kinh doanh của Công ty.
- 10/ Đình chỉ các quyết định của Tổng Giám Đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quy định của HĐQT.
- 12/ Xem xét quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu.
- 13/ Trình báo cáo tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ.
- 14/ Các quyền hạn khác được quy định cụ thể theo Luật Doanh nghiệp.

**Điều 42: *Trách nhiệm của Hội đồng quản trị.***

**HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những việc sau:**

- 1/ Sau khi được ĐHĐCĐ bầu, HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu của Công ty và các công việc còn lại của Ban đổi mới quản lý tại Doanh nghiệp (hoặc HĐQT tiền nhiệm). HĐQT hoàn tất các công việc còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những việc đó.
- 2/ Quản trị Công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho Công ty.
- 3/ Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Tổng Giám Đốc Công ty để bảo đảm thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- 4/ Khi có yêu cầu, HĐQT có trách nhiệm cung cấp và công bố các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban kiểm soát, các cổ đông và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo luật định và theo điều lệ này.
- 5/ Chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.
- 6/ Trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề sau:

- a) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Điều chỉnh vốn điều lệ và chuyển nhượng vốn cổ phần.
- b) Kiến nghị các chiến lược và kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty, chiến lược và kế hoạch huy động vốn.
- c) Báo cáo hoạt động của HĐQT, kết quả kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận chia cổ tức.
- d) Kiến nghị sửa đổi hoặc bổ sung điều lệ Công ty. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

7/ Các trách nhiệm khác được quy định cụ thể theo luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

**Điều 43: *Hoạt động của Hội đồng quản trị.***

- 1/ Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.
- 2/ Chủ tịch HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần, hoặc theo yêu cầu của:
  - a) Ban kiểm soát.
  - b) Ít nhất hai thành viên HĐQT.
  - c) Tổng Giám Đốc Công ty hoặc ít nhất năm người quản lý khác.
- 3/ Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp ( có mặt hoặc uỷ quyền) đồng ý. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu bầu. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.
- 4/ Một thành viên HĐQT có thể chỉ định một thành viên HĐQT khác tham dự một phiên họp HĐQT và bầu cử thay mình. Việc chỉ định này phải được lập thành văn bản và trao cho Chủ tịch HĐQT trước cuộc họp. Mỗi thành viên HĐQT chỉ được đại diện cho một thành viên HĐQT vắng mặt.
- 5/ Mỗi quyết định, nghị quyết của HĐQT trong mỗi phiên họp đều phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản và phải được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký của Chủ tọa và Thư ký phiên họp. Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT.
- 6/ Các quy định khác theo Luật doanh nghiệp.

**Điều 44: *Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên HĐQT.***

- 1/ HĐQT sẽ bầu Chủ tịch HĐQT trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty nếu được ĐHĐCĐ quyết định bổ nhiệm. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám Đốc Công ty.
- 2/ Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a) Chủ trì các cuộc họp ĐHĐCĐ và HĐQT.
  - b) Lập chương trình, kế hoạch làm việc cho HĐQT và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty.
  - c) Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT
  - d) Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu cho các phiên họp của HĐQT, triệu tập họp và chủ trì các phiên họp của HĐQT.
  - e) Thu xếp đề HĐQT thông qua nghị quyết bằng các hình thức khác.
  - f) Ký tên vào các cổ phiếu và trái phiếu của Công ty.
  - g) Khi vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể uỷ quyền cho Phó Chủ tịch hoặc Uỷ viên HĐQT thay mặt đảm trách nhiệm việc quản trị Công ty.

h) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3/ Phó chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được ủy quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.

4/ Thành viên HĐQT trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được HĐQT phân công và không được ủy quyền cho người khác, nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT như sau :

- a) Nghiên cứu đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
- b) Được quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- c) Tham dự phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và HĐQT về những ý kiến của mình.
- d) Nghiêm túc thực hiện điều lệ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ. Thực hiện nghị quyết của HĐQT có liên quan đến từng thành viên và theo sự phân công của HĐQT.
- e) Ngoài ra, người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần (nếu có) thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

**Điều 45: Các trường hợp mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị.**

1/ Chủ tịch, phó chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, Phó chủ tịch và thành viên HĐQT của công ty thì phải có đơn, văn bản gửi cho HĐQT công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, HĐQT sẽ họp lại để xem xét và quyết định.

2/ Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm hoặc bị mất tư cách các thành viên HĐQT trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

- a) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- b) Từ chức và được HĐQT xem xét chấp thuận.
- c) Tự ý bỏ nhiệm sở hoặc không hoàn thành trách nhiệm theo điều lệ này.
- d) Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo luật định.
- e) Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân hoặc mất tư cách đại diện cho Cổ đông pháp nhân.
- f) Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo quyết định của Tòa án.
- g) Các trường hợp khác theo Điều 115 Luật doanh nghiệp.

3/ Trường hợp Chủ tịch HĐQT mất tư cách thành viên HĐQT theo quy định thì Phó Chủ tịch HĐQT lên thay. Phó Chủ tịch mất tư cách thành viên HĐQT thì HĐQT bầu một người trong số các thành viên còn lại thay thế.

4/ Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch đều mất tư cách thành viên HĐQT theo quy định thì các thành viên còn lại của HĐQT phải cử ngay một người trong số họ để đảm nhiệm công việc của Chủ tịch. Nếu số thành viên của HĐQT còn lại dưới 03 người thì

## **BẢN ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ**

các thành viên này phải cùng ban kiểm soát cử ngay một người trong số họ đảm nhận công việc của Chủ Tịch HĐQT và triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu đủ số lượng vào các chức danh HĐQT.

5/ Trường hợp giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên, số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định trong điều lệ này thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Mọi trường hợp khuyết thành viên HĐQT khác sẽ chờ ĐHĐCĐ gần nhất bầu thành viên mới thay thế cho thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

### **Điều 46 : *Biên bản họp hội đồng quản trị.***

1/ Cuộc họp HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản.

2/ Biên bản họp HĐQT phải nêu rõ ít nhất các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các quyết định đã được thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp

3/ Các quy định khác của Luật doanh nghiệp.

### **Điều 47 : *Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị.***

1/ Thành viên HĐQT được hưởng thù lao theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thù lao do ĐHĐCĐ quyết định hàng năm. Được đài thọ các chi phí cần thiết khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

2/ Mọi chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

### **Điều 48: *Tổng Giám Đốc công ty.***

1/ Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty nếu được ĐHĐCĐ quyết định bổ nhiệm. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2/ Tổng Giám Đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm và uỷ nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ và quyết định của HĐQT theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Thành viên HĐQT được kiêm nhiệm các chức danh Phó Tổng



## **BẢN ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIÒ**

giám đốc, Ban Giám Đốc để điều hành công việc kinh doanh của Công ty, ngoại trừ chủ tịch HĐQT chỉ được kiêm Tổng Giám Đốc Công ty.

3/ Nếu Tổng Giám Đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT thì chế độ làm việc căn cứ theo hợp đồng lao động, người thay mặt công ty ký hợp đồng lao động là chủ tịch HĐQT.

4/ Khi Tổng Giám Đốc Công ty muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ nhiệm, HĐQT phải xem xét và quyết định.

5/ Tổng Giám Đốc có thể bị cách chức hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau :

- a) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi nhân sự;
- b) Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo quyết định của tòa án;
- f) Tự ý bỏ nhiệm sở hoặc điều hành Công ty vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty và các quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- g) Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo luật định;
- h) Xét thấy không đủ năng lực để đảm nhiệm chức vụ điều hành Công ty;
- i) Từ chức và được HĐQT xem xét chấp thuận.

6/ Việc cách chức, bãi miễn Tổng Giám Đốc phải có sự nhất trí của trên 2/3 thành viên HĐQT.

7/ Các quy định khác theo Luật doanh nghiệp.

### ***Điều 49 : Điều kiện tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám Đốc.***

1/ Phải tốt nghiệp đại học dược hoặc các ngành kinh tế tài chính phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; có đủ kiến thức, năng lực và kinh nghiệm tổ chức, quản lý và điều hành toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2/ Có ít nhất 05 năm công tác trong ngành. Năng động, có uy tín và mối quan hệ tốt với nhân viên trong Công ty và các đối tác bên ngoài. Nắm vững và hiểu biết các chính sách về tài chính, thuế, pháp luật.

3/ Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị điều hành và làm việc có lương cho bất kỳ một tổ chức kinh tế, cá nhân nào khác.

4/ Các quy định khác tại điều 57 Luật doanh nghiệp.

### ***Điều 50 : Nhiệm vụ quyền hạn và quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành.***

1/ Điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo pháp luật, Điều lệ công ty và các nghị quyết mà ĐHĐCĐ và HĐQT đã thông qua.

2/ Lựa chọn và đề nghị HĐQT bổ nhiệm, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật các Phó Tổng Giám Đốc, giám đốc và kế toán trưởng. Phân công và ủy nhiệm phó Tổng giám đốc phụ trách từng lĩnh vực.

3/ Bổ nhiệm và bãi miễn các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4/ Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có), thưởng, phạt và các chế độ phúc lợi đối với người lao động trong công ty, kể cả các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc.

5/ Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty. Xây dựng chiến lược phát triển, phương án sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và phương thức

huy động vốn phù hợp với từng thời kỳ hoạt động của công ty để trình HĐQT phê duyệt.

6/ Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay cho vay và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 57 của Điều lệ này.

7/ Trình HĐQT và Ban kiểm soát các báo cáo về tình hình hoạt động tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty trước HĐQT và các cổ đông.

8/ Xây dựng và trình HĐQT phê duyệt biên chế bộ máy Công ty và phương án điều chỉnh tổ chức; thành lập hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc Công ty.

9/ Tổng Giám Đốc điều hành được hưởng lương theo qui định của HĐQT, trường hợp Tổng Giám Đốc là thành viên của HĐQT thì được hưởng thù lao thành viên HĐQT theo qui định.

10/ Đề nghị HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn của Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.

11/ Phải tuân thủ điều lệ của Công ty, trung thực thừa hành chức vụ của mình, bảo vệ lợi ích Công ty. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

12/ Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT.

13/ Được đưa ra các quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp bất khả kháng như: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo ngay cho HĐQT và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

14/ Ban hành các quyết định, ký kết các hợp đồng kinh tế, chứng từ giao dịch theo sự phân cấp quản lý HĐQT. Tổ chức, điều hành phối hợp và kiểm tra các hoạt động của công ty theo phương hướng và kế hoạch của HĐQT đề ra.

15/ Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác do HĐQT ủy nhiệm.

16/ Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định điều 116 Luật doanh nghiệp.

**Điều 51: Ủy Nhiệm – Ủy Quyền.**

1/ Tổng Giám Đốc Công ty có thể ủy nhiệm, ủy quyền cho các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước việc ủy nhiệm, ủy quyền của mình.

2/ Người được Tổng Giám Đốc ủy nhiệm, ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác.

3/ Mọi sự ủy nhiệm, ủy quyền có liên quan đến con dấu công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

**Điều 52: Ban kiểm soát**

1/ Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức dồn phiếu được quy định tại khoản 3 Điều

104 Luật doanh nghiệp. Ban kiểm soát là người thay mặt ĐHĐCĐ để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Tổng Giám Đốc Công ty.

2/ Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

3/ Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Ban kiểm soát tự bầu ra một thành viên làm trưởng ban kiểm soát.

4/ Thành viên ban kiểm soát không được là:

- a) Không thỏa các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại điều 122 Luật doanh nghiệp.
- b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành các hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vi phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

5/ Nhiệm kỳ của ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ của HĐQT và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.

6/ Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ. Các chi phí cho hoạt động của ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

**Điều 53 : *Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách thành viên ban kiểm soát.***

1/ Trưởng ban kiểm soát muốn từ chức phải có sự nhất trí của các thành viên còn lại.

2/ Thành viên ban kiểm soát muốn từ nhiệm hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện của mình đang làm thành viên ban kiểm soát thì phải gửi văn bản đến Ban kiểm soát và HĐQT để trình ĐHĐCĐ gần nhất bầu thay thế.

3/ Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp như thành viên HĐQT được qui định tại điều lệ này.

4/ Trong nhiệm kỳ, nếu có khiếm khuyết thành viên ban kiểm soát thì ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu bổ sung. Trường hợp khuyết thành viên ban kiểm soát mà các thành viên còn lại không phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày ban kiểm soát công bố khuyết thành viên ban kiểm soát.

**Điều 54: *Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.***

1/ Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm phân công các thành viên còn lại phụ trách công việc kiểm soát.

2/ Thành viên ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền hạn sau:

- a) Kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ sách kế toán, các báo cáo tài chính và các sổ sách quan trọng khác như: Sổ danh sách cổ đông, sổ ghi biên bản ĐHĐCĐ, HĐQT ... và kiến nghị xử lý khắc phục các sai phạm (nếu có).
- b) Tiến hành giám sát các hành vi vi phạm pháp luật, điều lệ Công ty của HĐQT Tổng Giám Đốc điều hành trong quá trình tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động Công ty.

- c) Thẩm định các báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi: các thành viên ban kiểm soát xét thấy cần thiết; có quyết định của ĐHĐCĐ;
- d) Việc kiểm tra không được gây cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không được gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả của hoạt động kiểm soát và tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với HĐQT.

3/ Có quyền tìm hiểu số liệu, tài liệu và các thuyết minh liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Được quyền yêu cầu các phòng ban nghiệp vụ Công ty, các đơn vị trực thuộc Công ty cung cấp đầy đủ và kịp thời những thông tin, tài liệu, số liệu và giải trình về các hoạt động kinh doanh của Công ty.

4/ Trình bày với ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra quyết toán năm tài chính của Công ty. Báo cáo trước ĐHĐCĐ về những sự kiện tài chính bất thường xảy ra trong Công ty và những ưu điểm, khuyết điểm trong quản lý tài chính của HĐQT và Tổng Giám Đốc bằng các ý kiến độc lập của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo thì ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thiệt hại (nếu có).

5/ Tham gia các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến và có các kiến nghị.

6/ Trường hợp phát hiện được những hành vi gây tổn thất đến kết quả kinh doanh của Công ty thì ban kiểm soát có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường.

7/ Tất cả các thành viên ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty. Trung thực thi hành nhiệm vụ giám sát của mình theo pháp luật và theo điều lệ của Công ty.

8/ Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ này.

**Điều 55: *Yêu cầu về kiểm toán.***

1/ - Báo cáo tài chính hàng năm, sẽ mời một tổ chức kiểm toán độc lập tiến hành kiểm toán nếu ĐHĐCĐ có yêu cầu.

2/ - Trong trường hợp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc của ban kiểm soát có yêu cầu, Công ty có thể mời một tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán từng phần hoặc toàn bộ của Công ty, tùy theo yêu cầu cụ thể để vụ việc cần kiểm toán, chi phí kiểm toán do Công ty đài thọ.

3/ - Nếu mọi cổ đông bất kỳ nào muốn mời một tổ chức kiểm toán độc lập khác để tiến hành kiểm toán, phúc tra các kết quả kiểm toán nêu ở khoản 1 nói trên, cổ đông này được quyền mời và tự đài thọ phí kiểm toán. Công ty có trách nhiệm hợp tác bằng cách cho phép tổ chức kiểm toán độc lập này tham khảo sổ sách và các tài liệu cần thiết.

**Điều 56 : *Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.***

Các thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

1/ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, mẫn cảm vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, tuyệt đối trung thành với mục tiêu kinh doanh của Công ty đã ghi trong bản điều lệ này.

2/ Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không được đem tài sản của Công ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận hay khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3/ Không được lợi dụng chức vụ và quyền hạn để hưởng những lợi thế cá nhân về tài chính hoặc có hành động làm thiệt hại lợi ích của Công ty cũng như chiếm đoạt các cơ hội kinh doanh đã thuộc về Công ty. Không được để quyền lợi riêng của mình mâu thuẫn với quyền lợi của Công ty.

4/ Không được hành động vượt quá các quyền hạn quy định của bản điều lệ này.

5/ Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì :

- a) Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết.
- b) Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý.
- c) Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ qui định tại các điểm a) và b) nêu trên.
- d) Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

6/ Các nghĩa vụ khác do pháp luật và điều lệ này qui định

**Điều 57: Các hợp đồng, giao dịch phải được ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận.**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- c) Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị hơn 50%, nhưng không lớn hơn 70% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

## **Chương VI**

### **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

**Điều 58:** *Chế độ hạch toán kế toán-Tài chính.*

- 1/ Công ty phải thực hiện công tác kế toán theo hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành.
- 2/ Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của Công ty. Trách nhiệm vật chất của Công ty trong các mối quan hệ kinh tế cũng như quan hệ dân sự được giới hạn ở mức vốn Điều lệ của Công ty đã được đăng ký.
- 3/ Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty phải nhằm phản ánh trung thực (tổng số và chi tiết) tài sản có, tài sản nợ, doanh thu, chi phí, lãi (lỗ) của Công ty.
- 4/ Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám Đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và gửi đến HĐQT, ban Kiểm soát để xem xét, chuẩn bị họp ĐHĐCĐ.
- 5/ HĐQT và Ban Kiểm soát có trách nhiệm xem xét, thông qua quyết toán để trình ĐHĐCĐ các báo cáo sau:
  - a) Các báo cáo tài chính : Bảng kiểm kê tài sản; Bảng cân đối tài khoản; báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ,...., và các bảng giải trình, phân tích tình hình tài chính Công ty.
  - b) Báo cáo thẩm tra của Ban Kiểm soát về các báo cáo tài chính.
  - c) Thư xác nhận của một tổ chức kiểm toán độc lập về tài chính của Công ty nếu có yêu cầu của ĐHĐCĐ.
  - d) Các phương án xử lý lỗ hoặc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức....
  - e) Sau Đại hội, các văn bản này cùng biên bản ĐHĐCĐ và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty với thời gian là 05 năm liền theo quy định của Nhà nước để toàn bộ cổ đông Công ty xem xét khi cần thiết.
- 8/ Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, HĐQT và Tổng Giám Đốc phải hoàn chỉnh các báo cáo tài chính sau ĐHĐCĐ để gửi đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền theo các qui định của pháp luật.

**Điều 59:** *Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty.*

- 1/ Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty được thực hiện theo quy định của luật Doanh nghiệp.
- 2/ Các tài liệu cần lưu bao gồm:
  - a) Điều lệ Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ Công ty; Sổ Đăng ký Cổ đông.
  - b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký quản lý thay đổi kinh doanh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược phẩm. Giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp, chất lượng sản phẩm.
  - c) Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản Công ty.
  - d) Biên bản họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các quyết định đã thông qua.

- e) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có).
- f) Báo cáo của Ban Kiểm soát; kết luận của cơ quan thanh tra, tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có).
- g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.
- h) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 60 :** *Phân phối lợi nhuận và lập quỹ.*

- 1/ Lợi nhuận thực hiện (lãi ròng) của Công ty là phần còn lại sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi các khoản chi phí, các khoản thuế và các khoản nộp khác cho nhà nước theo luật định.
- 2/ Cuối mỗi niên khoá lãi ròng của Công ty được phân chia như sau:
  - Trích 5% lập quỹ dự trữ bắt buộc cho đến khi số tiền của quỹ này bằng 10% vốn điều lệ.
  - Trích 35% lập quỹ Đầu tư phát triển cho đến khi số tiền của quỹ này bằng 20% vốn điều lệ.
  - Trích từ 10% đến 15% để lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động.
  - Ngoài các quỹ trên, căn cứ vào kết quả kinh doanh hàng năm sẽ trích một phần lợi nhuận bổ sung vào vốn
  - Mức trích tất cả các quỹ trên do ĐHĐCĐ quyết định
  - Số còn lại là cổ tức được phân chia cho các Cổ đông theo số cổ phần.
- 3/ HĐQT có trách nhiệm xây dựng qui chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình ĐHĐCĐ quyết định cho từng năm.
- 4/ Tùy tình hình hiệu quả kinh doanh cho phép, HĐQT có thể ứng trước cổ tức cho các Cổ đông theo từng thời hạn 06 tháng một lần.

**Điều 61 :** *Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ.*

- 1/ Trong trường hợp Công ty kinh doanh bị thua lỗ, ĐHĐCĐ có thể giải quyết theo một trong hai phương án sau :
  - a) Trích từ quỹ dự trữ bắt buộc để bù lỗ;
  - b) Chuyển một phần lỗ sang năm sau, Đồng thời ĐHĐCĐ phải quyết định các biện pháp để khắc phục theo khuôn khổ pháp luật.
- 2/ Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì ĐHĐCĐ sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật Phá sản Doanh nghiệp.

## **Chương VII**

### **CÁC CHẾ ĐỘ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

**Điều 62:** *Chế độ lao động, tuyển dụng.*

Việc tuyển dụng lao động và trả lương được thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 63 :** *Trách nhiệm và quyền lợi của người lao động.*

- 1/ Chấp nhận đúng nội quy lao động của Công ty bao gồm:
  - a) Chấp hành đúng sự phân công lao động , thời gian làm việc và nghỉ ngơi.
  - b) Chấp hành đúng các quy định về an toàn lao động và vệ sinh lao động .

- c) Bảo đảm an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy trong Công ty.
  - d) Bảo vệ tài sản và bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh của Công ty.
  - e) Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao theo phạm vi công việc được giao.
  - f) Thực hiện đúng quy chế quản lý nội bộ mà Công ty đề ra.
- 2/ Quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty cổ phần:
- a) Được ký kết hợp đồng lao động.
  - b) Được trả lương theo đúng hợp đồng lao động và theo luật định.
  - c) Được tạo điều kiện thuận lợi trong lao động, và học tập.
  - d) Được quyền mua hoặc bán cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ này.
  - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật

## **Chương VIII**

### **TỔ TỤNG VÀ TRANH CHẤP - QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU**

**Điều 64:**                    ***Tổ tụng và tranh chấp.***

- 1/ Mọi Cổ đông của Công ty đều có quyền khiếu nại, tố tụng trực tiếp để bảo vệ quyền lợi chính mình và quyền lợi của Công ty. Nếu HĐQT bỏ qua thì các Cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 2/ Chủ tịch HĐQT là người đại diện cho Công ty giải quyết các khiếu nại liên quan tới cổ đông, cổ phần của Công ty. Nếu HĐQT giải quyết không thỏa đáng thì người tố tụng có thể yêu cầu tòa án can thiệp. Chủ tịch HĐQT là người đại diện cho Công ty trước pháp luật để bảo vệ quyền lợi Công ty trong các giai đoạn tranh tụng liên quan tới cổ đông, cổ phần của công ty
- 3/ Tổng Giám đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật để bảo vệ quyền lợi Công ty trong các giai đoạn tranh tụng liên quan tới mọi tranh chấp về hợp đồng kinh tế giữa Công ty và các đơn vị sản xuất kinh doanh khác được giải quyết ở Tòa án kinh tế các cấp có thẩm quyền.
- 4/ Công ty có quyền bình đẳng với mọi pháp nhân, pháp thể khi có tố tụng tranh chấp.

**Điều 65:**                    ***Quản lý và sử dụng Con dấu.***

- 1/ Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công An nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trước khi sử dụng phải đăng ký tại cơ quan công an có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh, công chứng và ngân hàng.
- 2/ Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải có con dấu của Công ty trên các chữ ký hoặc của Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT-hoặc của Trưởng Ban Kiểm soát-hoặc của Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty hoặc của viên chức quản lý Công ty được Tổng Giám Đốc ủy quyền. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty không được sử dụng con dấu.
- 3/ HĐQT giao Tổng Giám Đốc Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. Tổng Giám Đốc có trách nhiệm giữ gìn an toàn con dấu của Công ty.



## **Chương IX**

### **TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN**

**Điều 66: *Tổ chức lại.***

- 1/ Khi cần thiết, Công ty có thể được tổ chức lại bằng phương thức theo luật định:
  - a) Chia Doanh nghiệp: Công ty chấm dứt tồn tại để chia thành một số Công ty mới cùng loại.
  - b) Tách Doanh nghiệp: Công ty chuyển một phần tài sản – nợ – của Công ty hiện có để thành lập một số Công ty mới cùng loại. Công ty sẽ tiếp tục tồn tại với phần tài sản – nợ – vốn còn lại
  - c) Hợp nhất Doanh nghiệp: Công ty chấm dứt sự tồn tại để sát nhập vào một Công ty khác hoặc Công ty tiếp tục tồn tại có sự tiếp nhận các Công ty khác sát nhập vào.
  - d) Chuyển đổi Công ty: Công ty đang là Công ty cổ phần chuyển thành Công ty TNHH.
- 2/ HĐQT có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại Công ty để trình ĐHĐCĐ quyết định.

**Điều 67: *Giải thể.***

Giải thể Công ty cổ phần là việc chấm dứt sự tồn tại của Công ty. Công ty cổ phần có thể bị giải thể trong các trường hợp sau :

- 1/ Hết thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ này mà không tiếp tục xin gia hạn.
- 2/ Công ty bị lỗ  $\frac{3}{4}$  số vốn điều lệ hoặc đang gặp khó khăn không thể vượt qua, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để xem xét và quyết định việc giải thể Công ty.
- 3/ Quyết định của toà án đình chỉ hoạt động hoặc cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thu hồi giấy phép hoạt động.
- 4/ Công ty không còn đủ số Cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn liên tục 06 tháng.

**Điều 68: *Thủ tục giải thể.***

- 1/ Khi đã hội đủ điều kiện giải thể, HĐQT có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ xem xét quyết định việc giải thể Công ty. Nội dung của quyết định giải thể Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 2/ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty. Quyết định phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
- 3/ Sau khi có quyết định giải thể Công ty của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban Kiểm soát phải tiến hành đúng trình tự và thủ tục theo luật định như sau:
  - a) Thanh toán các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.
  - b) Thu hồi tất cả các tài sản của Công ty.

## **BẢN ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ**

- c) Kiểm tra đánh giá lại toàn bộ tài sản của Công ty và kêu gọi đấu giá bán các tài sản đó.
- d) Thanh toán mọi khoản nợ của Công ty và các chi phí phát sinh trong quá trình giải thể.
- e) Chia tài sản còn lại cho các cổ đông theo tỉ lệ số cổ phần.

4/ Trường hợp Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Công ty phải giải thể trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bị thu hồi. Trình tự thủ tục giải thể theo quy định của luật Doanh nghiệp.

5/ Các quy định khác theo Luật doanh nghiệp.

### **Điều 69: Thanh lý.**

1/ Khi Công ty có quyết định giải thể, ĐHĐCĐ sẽ lập hội đồng thanh lý thay thế HĐQT, các thành viên sẽ cùng với Ban Kiểm soát tiến hành nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và thể lệ tài chính hiện hành.

2/ Trong thời gian thanh lý, các thành viên và ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ để xử lý các vấn đề xét thấy cần thiết phải có quyết định của ĐHĐCĐ.

### **Điều 70 : Phá sản.**

Khi Công ty lâm vào tình trạng gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong quá trình hoạt động kinh doanh, sau khi áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết mà vẫn mất khả năng thanh toán nợ đến hạn, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản Doanh nghiệp.

## **Chương X**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUI ĐỊNH KHÁC**

#### **Điều 71 : Thể thức sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Điều lệ.**

1/ Chỉ có ĐHĐCĐ mới được thông qua việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của bản Điều lệ này.

2/ Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác chi phối. Nếu có điều khoản nào không phù hợp với các quy định của Luật doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan sẽ đương nhiên bị vô hiệu, nếu có xung đột pháp lý

3/ Mọi sự sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ phải đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp.






4/ Khi áp dụng bản Điều lệ này vào hoạt động của Công ty, nếu có phát sinh những vấn đề chưa được quy định trong Điều lệ mà cần được xử lý ngay thì, Hội đồng Quản trị được quyền xem xét và giải quyết trên cơ sở vì lợi ích chung của Công ty và không trái pháp luật hiện hành.

**BẢN ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ**

**Điều 72 : Điều khoản thi hành.**

- 1/ Điều lệ này gồm 10 Chương 72 điều đã được ĐHCĐ Công ty thông qua và biểu quyết chấp thuận toàn bộ, được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:
- 01 bản đăng ký tại Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở KH-ĐT TP.HCM.
  - 03 bản lưu tại các cơ quan thẩm quyền của Nhà nước có liên quan .
  - 06 bản lưu trong hồ sơ tại trụ sở Công ty.
- 2/ Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có giá trị.

TP.HCM, ngày 16 tháng 05 năm 2015  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
(Ký tên)

 <b>CT. HĐQT: CN Dương Minh Dũng</b> 	
<b>P.CTHĐQT: DS Trần Cung</b> 	<b>T/V HĐQT 1 : DS Ngô Phi Hậu</b> 
<b>T/V HĐQT 2 : DS Hoàng Mãng</b> 	<b>T/V HĐQT 3 : DS Trần Ngọc Lan Trang</b> 